

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 10/NgonNgon/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Thái Hoà (tổ bàn số 62, thửa số 323), Phường Long Bình

Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0919755339

Email: truonganhlphung@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 47A8040878.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 02/2025/NNPTNT-DNA

Ngày Cấp: 09/01/2025.

Nơi cấp: Phòng Kinh tế thành phố Biên Hòa.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Xôi vị

2. Thành phần: Nước, gạo nếp (33%), đường, cốt dừa, đậu xanh, lá dứa, lá cẩm, mè, dầu ăn, muối, phụ gia 282.

3. Tên sản phẩm đã công bố: Xôi vị

Hạn sử dụng: 01 ngày

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

4. Quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trực tiếp PP, PE, Khay xốp, màng co hoặc bao bì giấy. Bao bì sạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- khối lượng tịnh: 70g, 80g, 90g, 100g, 200g hoặc khối lượng khác phù hợp yêu cầu khách hàng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

HỘ KINH DOANH N
Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tổ bàn c
P. Long Bình Tân, TP. Biên
MST: 8 2 5 3 €

- Cơ sở sản xuất: Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon

- Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Thái Hoà (tổ bàn số 62, thửa số 323), Phường

Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Sản phẩm phải phù hợp với quy định về an toàn thực phẩm:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT, Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm các yếu tố vi nấm trong thực phẩm.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung nghị định số 43/2017/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hoá.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2025



Trương Anh Phụng

XÔI VỊ



Thành phần: Nước, gạo nếp(33%), đường, cốt dừa, đậu xanh, lá
dứa, lá cẩm, mè, dầu ăn, muối, phụ gia 282.
Sản Xuất Tại Hộ kinh Doanh Ngon Ngon

Địa chỉ: Tổ 2, Khu Phố Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323)

Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Điện thoại: 09 15.755.339

Khối lượng tịnh: gam Ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Mở bao bì ăn trực tiếp

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo
thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hạn sử dụng: 01 ngày kể từ ngày sản xuất

Hồ Sơ Tự Công Bố: 10/NgonNgon/2025

HỘ KINH DOANH NGON NGON

Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ số 62, thửa số 323)

P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

MST: 8253680745

SẢN PHẨM ĂN CHAY ĐƯỢC

Cảnh báo: ~~miễn trừ~~ KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH



Số: 47A8040878

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 3 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 16 tháng 01 năm 2020

- Tên hộ kinh doanh: Hộ kinh doanh NGON NGON
- Địa điểm kinh doanh: Tổ 2, KP Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323), phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0915755339 Fax:
Email: Website:
- Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất và chế biến bánh các loại, xôi, chè, thịt nguội; Nấu ăn suất ăn công nghiệp; Mua bán quần áo, dụng cụ gia đình, kẹp tóc, đồ trang sức xi mạ, bách hóa tổng hợp, rượu, bia, nước giải khát, trái cây, thịt (cấm bán thịt và các sản phẩm động vật chưa qua kiểm dịch hợp pháp), cá, rau củ quả; Bán ăn uống.
(chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo qui định của pháp luật hiện hành)
- Vốn kinh doanh: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)
- Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân
- Thông tin về đại diện hộ kinh doanh:
Họ và tên: TRƯƠNG ANH PHỤNG Giới tính:
Sinh ngày: 11 06 1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy tờ chứng thực cá nhân: 272417776
Ngày cấp: 14 04 2018 Nơi cấp: Công an Đồng Nai
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 333, tổ 20B, KP 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa
Hòa
Chỗ ở hiện nay: 333, tổ 20B, KP 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa

KT. TRƯỜNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Mỹ Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỘ KINH DOANH NGON NGON

Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ số 62, thửa số 323)
P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

MST: 8 2 5 3 6 8 0 7 4 5

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: Hộ kinh doanh NGON NGON

Mã số/ Approval number: 47A8040878 nơi cấp: Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 11/3/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/01/2020.

Địa chỉ/ Address: Tổ 2, KP Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323) phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại/ Tel: 0915755339 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
*Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:*

Chế biến thực phẩm:

1. Xôi vị (thành phần nguyên liệu từ nông sản).
2. Chè (thành phần nguyên liệu từ nông sản).
3. Bánh các loại (thành phần nguyên liệu từ nông sản).

Số cấp/ Number: 02/2025/NNPTNT-DNA

Có hiệu lực đến ngày 09 tháng 01 năm 2028.

Valid until (date/month/year):

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số: 07/2022/NNPTNT-BH ngày 26/01/2022

And replaces The Certificate N°:

Biên Hòa, ngày 09 tháng 01 năm 2025



Phạm Thị Mỹ Phương

Số/No.: 2505399-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 25041149/KG
Mã số mẫu/ : 25044529
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : **HỘ KINH DOANH NGON NGON**

Địa chỉ/ Address : **Tổ 2, Khu phố Thái Hòa, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **28/04/2025** Ngày trả kết quả/ Date of issue : **08/05/2025**

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : **28/04/2025 – 08/05/2025**

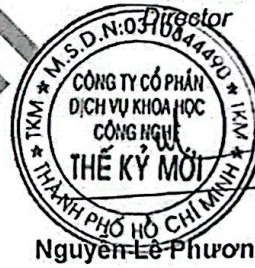
Tên mẫu/ Name of sample : **XÔI VỊ**

Tình trạng mẫu/ State of sample :
- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu thực phẩm đựng trong bao bì kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

HỘ KINH DOANH NG
Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ
P. Long Bình Tân, TP. Biên
MST: 8 2 5 3 6

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No
Trang



Mã số/ Code : 25041149/KG
Mã số mẫu/ : 25044529
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
1	Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 999.11 (*)	KPH (LOD = 0,02)
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 999.11 (*)	0,015
3	Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 10638:2014 (*)	KPH (LOD = 0,1)
4	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	TCVN 10638:2014 (*)	KPH (LOD = 0,15)
5	Ochratoxin A	µg/kg	TKM-TN-245:2021 (*) (Ref. AOAC 2000.03, TCVN 9524:2012, TCVN 10928:2015)	KPH (LOD = 0,75)
6	Deoxynivalenol	µg/kg	TCVN 10929:2015 (*) (EN 15891:2010)	KPH (LOD = 50)
7	Zearalenone	µg/kg	TKM-TN-246:2021 (*) (Ref. TCVN 10640:2014)	KPH (LOD = 5)
8	<i>E.coli</i> giả định	MPN/g	TCVN 6846:2007 (*)	0
9	<i>Coliforms</i>	CFU/g	TCVN 6848:2007 (*)	<10
10	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	AOAC 980.31 (*)	<10
11	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (*)	<10
12	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005 (*)	<10
13	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (*)	8,4 × 10 ³ Đ.Đ. Thừa số 323)
14	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (*)	Đ.Đ. Đồng Nai 8 0 7 4 5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH LONG HUY PHÁT	NHÓM SẢN PHẨM: Sản phẩm từ ngũ cốc, khoai, đậu củ, đỗ, bánh, bột(không qua sử lý nhiệt trước khi sử dụng)	SỐ: 10:2025/NGONNGON- LHP
Hộ kinh doanh Ngon Ngon	Xôi Vị	

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Xôi vị do Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon sản xuất, tuân thủ các quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm theo pháp luật hiện hành.

2. Thành phần sản phẩm

Nước, gạo nếp (33%), đường, cốt dừa, đậu xanh, lá dứa, lá cẩm, mè, dầu ăn, phụ gia 282.

3. Chỉ tiêu cảm quan

Chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp đánh giá
Màu sắc	Lá cẩm, xanh lá dứa nhẹ tùy loại, đồng đều, bắt mắt	Quan sát trực tiếp
Mùi vị	Thơm mùi lá dứa, lá cẩm, nước cốt dừa, đậu xanh	Cảm quan
Trạng thái	Xôi mềm, dẻo, không	Quan sát trực tiếp

HỘ KINH DOANH
Tổ 2, KP. Thái Hòa
P. Long Bình Tân
MST: 82

ướt nhão, không khô
cứng

4. Chỉ tiêu chất lượng

Có thể áp dụng kiểm tra độ ẩm $\leq 50\%$, pH từ 6.0 – 6.5 tùy theo quy trình sản xuất.

5. Chỉ tiêu an toàn thực phẩm

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật (QCVN 8-3:2012/BYT)

Chỉ tiêu vi sinh	Giới hạn tối đa (CFU/g hoặc ml)	Phương pháp thử	Ghi chú
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	10^6	TCVN 4884- 1:2015	
Coliforms	10^2	TCVN 6848:2007	
E. coli	Không phát hiện/1g	TCVN 7924- 2:2008	
Salmonella	Không phát hiện/25g	TCVN 10780- 1:2017	
Clostridium perfringens	10^2	TCVN 4991:2005	Nếu áp dụng

5.2. Chỉ tiêu vi nấm (QCVN 8-1:2011/BYT)

Chỉ tiêu vi nấm	Giới hạn tối đa (CFU/g)	Phương pháp thử	Ghi chú
Nấm men, nấm mốc tổng số	10^3	TCVN 8275- 2:2010	

5.3. Chỉ tiêu kim loại nặng (QCVN 8-2:2011/BYT)

Chỉ tiêu kim loại nặng	Giới hạn tối đa (mg/kg)	Phương pháp thử	Ghi chú
Chì (Pb)	0.1	TCVN 9338:2012	
Cadimi (Cd)	0.05	TCVN 9721:2013	

NH NGO.
Tờ bản đồ số 6.
TP. Biên Hòa, T.
53686

Thủy ngân (Hg)	0.01	AOAC 977.15	Nếu áp dụng
Asen (As)	0.1	TCVN 6626:2000	Nếu áp dụng

6. Bao bì – ghi nhãn

Bao bì phải đảm bảo an toàn thực phẩm, phù hợp bảo quản sản phẩm. Nhãn sản phẩm phải ghi đầy đủ theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP.

7. Bảo quản và hạn sử dụng

Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sử dụng trong vòng 1 ngày kể từ ngày sản xuất.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất

Đảm bảo sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn này và các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Trương Anh Phụng

